

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2022/DS-PT

Ngày: 19-9-2022

V/v tranh chấp nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

1. Ông Trần Phước Hiệu;
2. Ông Vũ Đức Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Lương Trọng Kha, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận: Bà Võ Thị Phương Linh, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 và 19 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLPT-DS ngày 05 tháng 08 năm 2020, về tranh chấp: “Nghĩa vụ trả tiền”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 24/2/2020 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 91/2022/QĐPT-DS ngày 07 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số: 69/QĐ- PT ngày 31 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lâm Thị Đ, sinh năm: 1967; Nơi cư trú: A Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố A, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Hồ Thị M, sinh năm: 1979; Nơi cư trú: đường Đ, Thôn A, xã V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mừng: Ông Mai Lâm Phương - Công ty Luật An Phú - An Khánh, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 28 đường 63, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Trần Xuân C, sinh năm: 1975; Nơi cư trú: đường Đ, Thôn A, xã V, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Trần Xuân C: Ông Mai Lâm Phương - Công ty Luật An Phú - An Khánh, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 28 đường 63, phường Bình Trưng Đông, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

+ Ông Ao Công Tr, sinh năm: 1965; Nơi cư trú: A Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố A, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận; xin xét xử vắng mặt.

+ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong; Địa chỉ: Số 16A/1, Tổ 17, Khu phố 1, phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và Tổ 25, ấp Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật:

Ông Trần Văn C, sinh năm: 1983; chức vụ: Phó chủ tịch Hội đồng quản trị; Nơi cư trú: Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường H, quận B, thành phố Hồ Chí Minh; Vắng mặt.

Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm: 1993; chức vụ: Phó giám đốc; Nơi cư trú: Tổ 25, ấp Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Vắng mặt.

Ông Bạch Thanh Th, sinh năm: 1985; chức vụ: Giám đốc; Nơi cư trú: Thôn Tiêu Thượng, xã Tương Giang, thị xã Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh; Vắng mặt .

Người kháng cáo: Bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2017, các bản khai nguyên đơn là bà Lâm Thị Đ, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Ao Công Tr (Chồng bà Được thể hiện:

Ngày 29/11/2016, bà Lâm Thị Đ có chở đến bán cho bà Hồ Thị M một xe tải hạt điều có trọng lượng là 28.009 kg, giá hai bên thống nhất tại thời điểm bán là 37.500 đồng/kg, cộng thành tiền là 1.050.330.000 đồng. Theo yêu cầu của vợ chồng bà Mừng là hàng phải được giao tận nơi, nên bà Được đã đến Công ty TNHH Phúc Nhân thuê cân xe hàng lấy phiếu trước khi giao. Tuy nhiên, khi đến nhà bà Mừng, do không tin tưởng nên ông Côn là chồng của bà Mừng đã trực tiếp dẫn xe hạt điều đi cân lại. Sau khi cân lại, so sánh khớp với trọng lượng được ghi trong phiếu cân ngày 29/11/2016, của Công ty TNHH Phúc Nhân, bà Mừng mới ký nhận nợ và hẹn một tuần sau sẽ thanh toán tiền cho bà Được. Nhưng sau đó bà Mừng và ông Côn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ của lô hàng 28.009 kg hạt điều, ngày 29/11/2016. Vì vậy, ngày 26/5/2017, bà Được đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, yêu cầu giải quyết buộc bà Mừng và ông Côn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 1.050.330.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2016 cho đến ngày 26/5/2017 theo mức lãi suất là 10%/ năm.

Trong quá trình giải quyết, sau khi nghe bà Mừng trình bày và về kiểm tra lại, bà Được công nhận ngày 17/12/2016, bà Được có nhận được 500.000.000 đồng, do một tài khoản lạ chuyển cho bà. Trong đó có diễn giải là Công ty Hợp Phong chuyển tiền. Bà Được nghĩ là bà Mừng nhờ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong nào đó chuyển hộ. Cho nên ngày 10/10/2017 bà Được đã có đơn xin rút một phần khởi kiện đối với số tiền đã nhận và chỉ còn yêu cầu giải quyết buộc bà Mừng và ông Côn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn lại là 550.330.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ 17/12/2016 cho đến nay theo mức lãi suất nhà nước quy định.

[2] Tại các bản khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị đơn là bà Hồ Thị M, người có quyền và nghĩa vụ liên quan là ông Trần Xuân C (Chồng bà Mừng) thể hiện:

Ngày 29/11/2016, bà Được có cho người chở đến nhà bà lô hạt điều với trọng lượng 28.009 kg với giá là 37.500 đồng/kg. Lô hàng này bà Mừng nhận gia công cho Công ty xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong theo hợp đồng đã ký kết. Sau khi cân hàng bà Mừng có viết vào phiếu cân cho bà Được, chữ viết và chữ ký là do bà Mừng tự viết. Đến ngày 17/12/2016, Công ty Hợp Phong có chuyển khoản cho bà Được 500.000.000 đồng, còn nợ lại 550.330.000 đồng. Bà không đồng ý trả số tiền theo yêu cầu của bà Được, vì đây là quan hệ giao dịch làm ăn giữa bà Được với công ty Hợp Phong, bà không liên quan. Do Công ty Hợp Phong làm ăn thua lỗ, bà Được không đòi nợ của Công ty Hợp Phong được nên quay sang đe dọa, uy hiếp vợ chồng bà Mừng phải trả số nợ 550.330.000 đồng.

Bà Mừng cung cấp cho Tòa án một tờ trình ghi ngày 10/6/2017, đồng thời kèm theo tờ trình này còn có: Phiếu nhập kho, phiếu xuất kho, bản hợp đồng gia công hàng hóa, bản sao kê của ngân hàng chuyển tiền, biên bản xác nhận công nợ phía sau phiếu cân của ông Trần Văn C. Tất cả giấy tờ kèm theo tờ trình đều là bản photo.

Suốt từ khi Tòa án nhân dân huyện Đức Linh thụ lý lại vụ án ngày 06/11/2018 cho đến nay, bà Mừng và ông Côn không tham gia bất kỳ hoạt động tố tụng nào, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Đức Linh tổng đạt các văn bản tố tụng một cách hợp lệ. Duy chỉ có ngày 24/01/2019, cán bộ Tòa án đã cùng cán bộ địa phương trực tiếp lấy lời khai tại nhà, mặc dù từ chối không ký vào biên bản nhưng nội dung cụ thể đã được ghi thể hiện bà Mừng trình bày: Bà công nhận ông Trần Xuân C, sinh năm 1975 hiện là chồng của bà. Tất cả mọi vấn đề liên quan đến vụ án vợ chồng bà đã ủy quyền cho luật sư. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng bà sẽ tự liên hệ với Tòa án để làm việc. Vì vậy vợ chồng bà bà từ chối cung cấp lời khai đồng thời từ chối việc nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

[3] Theo các tài liệu trước đây có trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ngày 30/10/2017, ông Trần Văn C trình bày:

Ông là người chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của Công ty Hợp Phong. Trong thời gian từ năm 2015 đến năm 2016, Công ty có thu mua hạt điều tại hai địa

bàn huyện Đức Linh và Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận. Công ty có thu mua hạt điều của bà Được, thể hiện tại lô hàng số 21, có chứng từ kế toán của công ty, tổng khối lượng lô 21 là 28.009 kg, giá bán là 37.500 đồng, bao gồm chi phí vận chuyển và bốc xếp. Việc mua bán hàng với bà Được thì công ty không ký kết hợp đồng mà chỉ giao dịch bằng tiền hoặc chuyển khoản. Tại phiếu nhận hàng bà Mừng ký nhận nợ là nhận thay cho Công ty Hợp Phong, vì khi này công ty chưa thể chuyển tiền cho bà Được. Bà Mừng là người nhận gia công hàng hóa cho Công ty Hợp phong, vì vậy bà Mừng chỉ đại diện cho Công ty Hợp Phong nhận hàng, còn trách nhiệm thanh toán tiền là của Công ty Hợp Phong. Vào ngày 17/12/2016, bà Nguyễn Thị Thúy L là kế toán công ty có chuyển cho bà Được số tiền 500.000.000 đồng bằng số tài khoản 050062964879 tại ngân hàng Sacombank, ông Cường là người đại diện công ty có xác nhận vào chứng từ thanh toán. Đến nay, số nợ còn thiếu lại bà Được là 550.330.000 đồng thì Công ty Hợp Phong nhận thiếu sót và chịu trách nhiệm tìm phương án trả nợ cho bà Được, nhưng vì hoàn cảnh công ty đang rất khó khăn nên chưa thể thanh toán được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, đã quyết định:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm c, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 428, 438 Bộ Luật dân sự 2005;

Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ 1.050.330.000 đồng.

3/ Xử buộc bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C phải liên đới trả cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công Tr số tiền là 708.137.127 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 550.330.000 đồng, tiền nợ lãi là 157.807.127 đồng. Chia phần cho mỗi người có trách nhiệm trả là 354.068.563 đồng/người.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực, bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công Tr có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C phải thanh toán nêu trên, thì bà Mừng và ông Côn còn phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

4/ Về án phí: Buộc bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C phải chịu 32.325.485 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Lâm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 22.526.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013022 ngày 01/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định trách nhiệm thi hành án nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị.

+ Sau khi xét xử sơ thẩm:

- Ngày 09/3/2020, bị đơn bà Hồ Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C kháng cáo toàn bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24/2/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh. Nội dung kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24/2/2020.

+ Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vắng mặt;

- Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đơn kháng cáo.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Hồ Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có ý kiến tranh luận: Bị đơn chỉ nhận hàng hóa của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong đã trả cho bà Lâm Thị Đ 500.000.000 đồng, vì vậy Công ty có trách nhiệm trả số tiền tiền lại cho bà Được. ông Trần Xuân C không tham gia vào việc gia công lô hàng đã nhận trên vì vậy đề nghị nếu phải trả tiền thì bà Hồ Thị M phải trả số tiền trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn Hồ Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C kháng cáo trong thời hạn, đúng thủ tục pháp luật quy định nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm;

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Về xét xử vắng mặt:

Bà Lâm Thị Đ, ông Ao Công Tr có đơn xin xét xử vắng mặt, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt, các đương sự có mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề nghị xét xử vắng mặt

những người này. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về kháng cáo của Bị đơn Hồ Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C đối Bản án sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 2 năm 2020 của Toà án nhân dân huyện Đức Linh. Nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng thực tế, có nhiều sai sót về cả nội dung và hình thức ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông bà.

[3] Ngày 29/11/2016 bà Lâm Thị Đ, thường trú tại số nhà 382, đường Cách Mạng Tháng Tám, khu phố 5, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận có cho chở một xe hạt điều đến giao cho bà Hồ Thị M tại số nhà 172, đường ĐT 720, thôn 3, xã Vũ Hòa, huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận. Trước khi đánh xe hàng đi giao bà Được đã cho xe đến Công ty TNHH Phúc Nhân tại khu phố 1, thị trấn Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận để thuê Công ty Phúc Nhân cân xe hàng và ghi thành phiếu “Phiếu cân hàng và thanh toán tiền mua hàng” ghi ngày 29/11/2016. Sau khi đối chiếu đúng với trọng lượng ghi trên phiếu, chính bà Mừng đã ký nhận nợ trên phiếu cân hàng giao cho bà Mừng với số tiền là 1.050.330.000 đồng bằng bút mực màu xanh (BL 03).

Do không được thanh toán tiền hàng như đã giao hẹn, ngày 26/5/2017 bà Được đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, yêu cầu giải quyết buộc bà Mừng và ông Côn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền là 1.050.330.000 đồng và số tiền lãi phát sinh từ ngày 29/11/2016 cho đến ngày 26/5/2017, theo mức lãi suất là 10%/năm.

Trong quá trình giải quyết, sau khi nghe bà Mừng trình bày về kiểm tra lại bà Được công nhận ngày 17/12/2016, bà Được có nhận được 500.000.000 đồng do một tài khoản lạ chuyển cho bà trong đó có diễn giải là Công ty Hợp Phong chuyển tiền. Bà Được nghĩ là bà Mừng nhờ Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong chuyển hộ. Cho nên ngày 10/10/2017, bà Được đã có đơn xin rút một phần khởi kiện đối với số tiền đã nhận và chỉ còn yêu cầu giải quyết buộc bà Mừng và ông Côn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn lại là 550.330.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ 17/12/2016 cho đến nay theo mức lãi suất nhà nước quy định.

Nguyên đơn là bà Lâm Thị Đ chỉ yêu cầu vợ chồng bà Mừng và ông Côn phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền còn lại là 550.330.000 đồng cùng với tiền lãi phát sinh từ 17/12/2016 cho đến nay theo mức lãi suất nhà nước quy định. Và chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là “Phiếu cân và thanh toán tiền

mua hàng”, ghi ngày 29/11/2016, của Công ty TNHH Phúc Nhân, có chữ ghi xác nhận số tiền nợ và chữ ký của bà Hồ Thị M.

Tuy nhiên, bà Hồ Thị M cho rằng: Cũng trong ngày 29/11/2016, bà có nhận gia công hạt điều thô cho Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hợp Phong và bà chỉ là người ký nhận đủ số hàng tương đương với số tiền là 1.050.330.000 đồng thay cho Công ty Hợp Phong mà thôi, chứ bà không có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ mua hàng như đã ghi trên phiếu.

[5] Xét kháng cáo của Bị đơn, người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C.

Về nghĩa vụ trả tiền:

Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận việc bà Lâm Thị Đ có cho người chở đến và giao cho bà Hồ Thị M lô hàng hạt điều với trọng lượng 28.009 kg, giá thành được tính là 37.500đồng/kg, bao gồm cả chi phí vận chuyển, bốc xếp. Sau khi nhận hàng bà Mừng có viết và ký xác nhận tại phiếu cân và thanh toán tiền mua hàng ngày 29/11/2016 với nội dung: “*Mừng nhận nợ (1.050.330.000 đồng) Một tỉ không trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng*”, khi viết xác nhận bà Mừng không bị ép buộc. Tuy nhiên, bà Mừng, ông Côn khẳng định Công ty Hợp Phong mới là người giao dịch trực tiếp, mua lô hàng số 21, trọng lượng 28.009 kg từ bà Được, còn bà Mừng và ông Côn chỉ là người nhận hàng để gia công thành phẩm cho công ty, bà Mừng đứng ra thay mặt công ty, xác nhận số tiền phải trả cho bà Được là 1.050.330.000 đồng. Mặt khác bà Được lại khẳng định bà Mừng là người trực tiếp mua số hàng trên và phải chịu trách nhiệm thanh toán, chứ bà Được không hề biết và không mua bán gì với Công ty Hợp Phong.

[6] Sau khi thụ lý lại để giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đức Linh đã thu thập đầy đủ các chứng cứ như đã nêu trong phần nhận định của bản án phúc thẩm số: 104/2018/DS-PT, ngày 24/8/2018, của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận. Qua đó cho thấy:

Chứng cứ thu thập đầy đủ trong vụ án, chứng cứ mà bị đơn cung cấp để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, Hội đồng xét xử thấy:

- Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hợp Phong có đăng ký kinh doanh tại Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng nai, với mã số doanh nghiệp là 3603223957, có trụ sở chính tại số 16A/1, tổ 17, phường Tân Hiệp, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (BL 230). Chi nhánh của Công ty đặt tại: Tổ 25, ấp Sông Cầu, xã Nghĩa Thành, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Những người đại diện theo pháp luật

của công ty là ông Trần Văn C, ông Bạch Thanh Th, bà Nguyễn Thị Thúy L. Ở giai đoạn xảy ra tranh chấp trong vụ án, qua xác minh tại địa phương cũng như các cơ quan ban ngành có liên quan thể hiện: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong hiện nay không còn đặt trụ sở chính cũng như chi nhánh tại các địa chỉ nêu trên, hiện nay công ty chuyển trụ sở đến đâu hầu như không có dấu tích gì để xác định được. Tất cả những người đại diện theo pháp luật của Công ty có địa chỉ ghi tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đều không thể nào liên lạc được; Đã không còn thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho cơ quan thuế tại nơi Công ty hoạt động. Điều này chứng tỏ Công ty Hợp Phong không còn dấu hiệu hoạt động kinh doanh bình thường nữa.

Trong hồ sơ vụ án có thể hiện lời khai của ông Trần Văn C, ngoài ra không có lời khai của bà Thủy và bà Lành. Ông Trần Văn C cho rằng Công ty Hợp Phong là người trực tiếp giao dịch mua lô hạt điều số 21 của bà Được, ông Côn và bà Mừng chỉ là người nhận nợ thay cho Công ty Hợp Phong. Tuy nhiên, ông Cường không đưa ra được hợp đồng mua bán giữa Công ty Hợp Phong và bà Được. Các phiếu xuất kho, nhập kho ngày 29/11/2016, không có xác nhận của bà Được hoặc ông Trung. Vì vậy, không thể chứng minh được giữa bà Được và Công ty Hợp Phong có giao dịch mua bán.

Ông Trần Văn C là phó chủ tịch hội đồng quản trị Công ty mà lại dùng mặt sau của phiếu cân và thanh toán tiền mua hàng photo (BL 17) xác nhận tiền nợ lô hàng hạt điều thô: 28.009 kg thay cho Công ty, không có dấu của Công ty; xác nhận bà Hồ Thị M là người đại diện nhận hàng cho Công ty Hợp Phong mà không hề cung cấp được văn bản nào về việc thỏa thuận, hay ủy quyền cho bà Mừng thực hiện giao dịch này. Trong khi đó chứng cứ là phiếu cân và thanh toán tiền mua hàng gốc (bút lục số 74) do nguyên đơn cung cấp thì ở mặt sau vẫn còn nguyên vẹn, không có dòng chữ nào của ai cả và phiếu cân và thanh toán tiền mua hàng ghi ngày 29/11/2016, thì chỉ có một bản chính.

[7] Bà Mừng cho rằng việc bà ký nhận nợ cho bà Được số tiền 1.050.330.000 đồng là nhận thay cho Công ty Hợp Phong, nhưng bản thân bà cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ thể hiện giữa bà với Công ty Hợp Phong có thỏa thuận, hoặc công ty ủy quyền cho bà về trách nhiệm nhận nợ.

Hợp đồng gia công hàng hóa giữa Công ty Hợp Phong và cơ sở Tú Anh được ký ngay ngày bà Mừng nhận hàng của bà Được. Nhưng do ông Trần Xuân C là người đại diện, trong hợp đồng này không đề cập đến vấn đề nhận nợ thay cho Công ty như ông Cường và bà Mừng trình bày. Không thể hiện có sự liên kết, thỏa thuận gì giữa bà Mừng với Công ty Hợp Phong.

Chứng cứ mà bà Mừng và ông Cường lấy đó làm căn cứ để chứng minh cho những trình bày, đó là bản in nội dung chuyển tiền in, photo từ hình ảnh của màn hình điện thoại thông qua dịch vụ Sacombank Banking mà bà Mừng cho là bản in sao kê từ ngân hàng (bút lục số 18). Về hình thức thì đây không được coi là một chứng từ kế toán thể hiện việc thanh toán tiền mua hàng của một Công ty. Về nội dung: Số tài khoản chuyển 500.000.000 đồng ghi trên văn bản nói trên là 050062964879, tài khoản này đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank), chi nhánh tại Bà Rịa Vũng Tàu xác nhận là số tài khoản không đúng, không phải là tài khoản giao dịch của bà Nguyễn Thị Thúy L mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín chi nhánh Bà Rịa. Lại càng không phải là tài khoản giao dịch của Công ty Hợp Phong vì cũng theo xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank), chi nhánh tại Bà Rịa Vũng Tàu: Số tài khoản giao dịch của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín chi nhánh Đồng Nai là số tài khoản 050047470231. Tại dòng diễn giải ghi: Cty Hợp phong chuyển tiền điều thô lô 21. Đây là phần nội dung mà người chuyển tiền có thể ghi bất cứ nội dung gì theo ý của mình khi thực hiện dịch vụ chuyển tiền Banking. Trong trường hợp nội dung ghi ở dòng này là có thật thì bên chuyển tiền phải cung cấp kèm theo hợp đồng của lô hàng thứ 21 mới là chứng cứ có căn cứ. Như vậy, số tiền này không được chuyển trả từ Công ty Hợp phong, cũng không được chuyển trả từ bà Nguyễn Thị Thúy L.

- Cho đến giai đoạn vụ án được xét xử thì giữa bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C vẫn còn là vợ chồng, quan hệ hôn nhân giữa bà Mừng và ông Côn vẫn còn tồn tại về mặt pháp lý. Mặc dù, một mình bà Mừng đứng tên ký nhận nợ đối với bà Lâm Thị Đ. Tuy nhiên, ông Trần Xuân C là chủ cơ sở Tú Anh, cùng với vợ bà Hồ Thị M cùng quản lý cơ sở Tú Anh ... Vì vậy ông Trần Xuân C phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Hồ Thị M trả cho số tiền nợ cùng với lãi phát sinh cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công Tr là hoàn toàn phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về ý kiến tranh luận của người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi liên quan, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chứng cứ là phiếu cân và thanh toán tiền mua hàng ngày 29/11/2016, thể hiện bà Hồ Thị M nhận nợ một tỷ không trăm năm mươi triệu ba trăm ba mươi nghìn, chứ không phải chỉ là nhận hàng. Số tài khoản chuyển 500.000.000 đồng ngày 17/12/2016 ghi trên văn bản nói trên là 050062964879, tài khoản này đã được Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank), chi nhánh tại Bà Rịa Vũng Tàu xác nhận, không phải là tài khoản giao dịch của bà Nguyễn Thị Thúy L mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn

thương tín chi nhánh Bà Rịa, không phải là tài khoản giao dịch của Công ty Hợp Phong theo xác nhận của Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín (Sacombank), chi nhánh tại Bà Rịa Vũng Tàu: Số tài khoản giao dịch của Công ty cổ phần xuất nhập khẩu nông sản Hợp Phong mở tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn thương tín chi nhánh Đồng Nai là số tài khoản 050047470231. Tài liệu này không phải là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực như đã nêu ở phần trên nên không được coi là chứng cứ. ông Trần Xuân C là chủ cơ sở Tú Anh vì vậy không thể nói ông không tham gia trong việc việc giao nhận hàng và nhận nợ ngày 29/11/2016. Do đó ý kiến người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi không được hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 438 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì bà Mừng còn phải trả lãi tính từ ngày 17/12/2016 đến nay (ngày 24/02/2020), với lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định là 0,75%/tháng. Tiền lãi được tính như sau: 550.330.000 đồng x 38 tháng 07 ngày x 0,75%/tháng = 157.807.127 đồng (Một trăm năm mươi bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng).

[7] Xét về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 10/10/2017, bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công Tr có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số tiền 1.050.330.000 đồng và tại phiên tòa nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng bà Mừng, ông Côn trả số tiền 550.330.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật. Đây là sự tự nguyện của nguyên đơn cấp sơ thẩm chấp nhận và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Được là phù hợp theo quy định tại điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Mừng, ông Côn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 550.330.000 đồng và tiền lãi phát sinh cho bà Được và ông Trung là phù hợp với quy định tại Điều 428 và 438 của Bộ luật dân sự năm 2005. Như ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là phù hợp.

[8] Về án phí: Do yêu cầu của bà Hồ Thị M, ông Trần Xuân C không được chấp nhận, bà Hồ Thị M, ông Trần Xuân C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Hồ Thị M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Xuân C, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 24 tháng 02 năm 2020, của Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 227, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 428, 438 Bộ Luật dân sự 2005;
- Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.
- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn đối với số tiền 500.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ 1.050.330.000 đồng.

3. Xử buộc bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C phải liên đới trả cho bà Lâm Thị Đ và ông Ao Công Tr số tiền là 708.137.127 đồng (Bảy trăm lẻ tám triệu một trăm ba mươi bảy nghìn một trăm hai mươi bảy đồng). Trong đó tiền nợ gốc là 550.330.000 đồng, tiền nợ lãi là 157.807.127 đồng (tiền lãi tính đến ngày 24 tháng 02 năm 2020).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Buộc bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C phải chịu 32.325.485 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Lâm Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả 22.526.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013022 ngày 01/6/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Linh.

Bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0003519; 0003520 ngày 23/3/2020, tại chi cục thi hành án huyện Đức Linh. Bà Hồ Thị M và ông Trần Xuân C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 19/9/2022).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Đức Linh;
- Chi Cục THADS huyện Đức Linh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Vũ Đức Hùng Trần Phước Hiệu

Nguyễn Văn Thành